

UBND PHƯỜNG XUÂN HƯƠNG – ĐÀ LẠT
TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU



**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2025 – 2026**

KHỐI 6

Xuân Hương – Đà Lạt, tháng 3 năm 2026

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II MÔN TOÁN 6

BÀI TẬP THAM KHẢO

A. TRẮC NGHIỆM

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1: Trong các cách viết sau, cách nào cho ta một phân số?

- A. $\frac{-9}{0}$. B. $\frac{6,7}{3}$. C. $\frac{-6}{5}$. D. $\frac{1,2}{3,4}$.

Câu 2: Cách viết nào sau đây **không** phải phân số

- A. $\frac{14}{35}$. B. $\frac{-2}{0}$. C. $\frac{-5}{-4}$. D. $\frac{0}{-9}$.

Câu 3: Trong các cách viết sau, cách nào cho ta một phân số có mẫu số là số nguyên âm?

- A. $\frac{-5}{12}$. B. $\frac{6}{-7,3}$. C. $\frac{2}{-35}$. D. $\frac{5,9}{-1}$.

Câu 4: Tử số của phân số $\frac{-8}{5}$ là A. 5. B. -8. C. 8. D. -5.

Câu 5: Mẫu số của phân số $\frac{-3}{17}$ là A. 3. B. -3. C. 17. D. -17.

Câu 6: Chọn đáp án “Sai”

- A. $\frac{1}{2} = \frac{3}{6}$. B. $\frac{-4}{7} = \frac{4}{-7}$. C. $\frac{-2}{3} = \frac{-4}{6}$. D. $\frac{4}{3} = \frac{-12}{9}$.

Câu 7: Hai phân số $\frac{a}{b}$ và $\frac{c}{d}$ bằng nhau khi nào?

- A. $ab = cd$. B. $ac = bd$ C. $ad = bc$ D. $cd = ab$

Câu 8: Điền số thích hợp vào chỗ “...” trong khẳng định sau: $\frac{18}{27} = \frac{2}{\dots}$

- A. 27. B. 3. C. 9. D. 18.

Câu 9: Rút gọn phân số $\frac{-12}{18}$ ta được phân số

- A. $\frac{-2}{8}$. B. $\frac{2}{3}$. C. $\frac{-1}{6}$. D. $\frac{-2}{3}$.

Câu 10: Viết phân số $\frac{5}{-8}$ thành phân số có mẫu dương là

- A. $\frac{5}{8}$. B. $\frac{-5}{8}$. C. $\frac{-5}{-8}$. D. $\frac{5}{-8}$.

Câu 11: Nhân cả tử và mẫu của phân số $\frac{-2}{5}$ với số nào để được phân số $\frac{-24}{60}$?

- A. 14. B. 12. C. 22. D. 15.

Câu 12: So sánh 2 phân số $\frac{-11}{10}$ và $\frac{-8}{9}$ ta được

- A. $\frac{-11}{10} = \frac{-8}{9}$. B. $\frac{-11}{10} < \frac{-8}{9}$. C. $\frac{-11}{10} > \frac{-8}{9}$. D. $\frac{-11}{10} < \frac{8}{9}$.

Câu 13: Chọn kết quả đúng.

A. $\frac{-2}{4} > \frac{-3}{-4}$.

B. $\frac{1}{4} < \frac{-3}{4}$.

C. $\frac{-4}{5} < \frac{-3}{5}$.

D. $\frac{-1}{6} < \frac{-5}{6}$.

Câu 14: Số đối của phân số $-\frac{3}{4}$ là

A. $-\frac{3}{4}$.

B. $-\frac{4}{3}$.

C. $\frac{4}{3}$.

D. $\frac{3}{4}$.

Câu 15: Hãy chọn khẳng định **sai**. Số đối của phân số $\frac{-4}{-15}$ là

A. $\frac{4}{-15}$.

B. $\frac{-4}{15}$.

C. $\frac{4}{15}$.

D. $-\frac{4}{15}$.

Câu 16: Hình không có trục đối xứng là

A. Hình vuông

B. Hình thoi

C. Hình lục giác đều

D. Hình bình hành

Câu 17: Trong các chữ cái bên, chữ cái nào **không** có trục đối xứng?

A. E

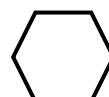
B. M

C. H

D. L

L O M E H

Câu 18: Trong các hình dưới đây, hình nào **không** có tâm đối xứng?



A. Hình tròn

B. Tam giác đều

C. Hình ngôi sao 6 cánh

D. Lục giác đều.

Câu 19: Trong các chữ cái sau, chữ cái nào có tâm đối xứng?

A. Chữ H, I, N.

B. Chữ T, E, C.

C. Chữ E, H, I.

D. Chữ C, H, I.

T E C H I N

Câu 20: Phát biểu nào dưới đây là **đúng**?

A. Hình thoi có tâm đối xứng nhưng không có trục đối xứng.

B. Hình thang cân có trục đối xứng, nhưng không có tâm đối xứng.

C. Hình bình hành vừa có tâm đối xứng, vừa có trục đối xứng.

D. Hình chữ nhật có trục đối xứng nhưng không có tâm đối xứng.

Câu 21: Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1, 2.

B. Hình 2, 3.

C. Hình 3, 4.

D. Hình 2, 4.

Câu 22: Trong các hình sau, hình nào là hình **không** có trục đối xứng?



A. Hình 1.

B. Hình 2

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 23: Hình nào không có tâm đối xứng trong các hình bên.

A. Hình a.

B. Hình b.

C. Hình c.

D. Hình d.



a)



b)



c)



d)

Câu 24: Trong các hình sau, hình nào vừa có tâm đối xứng vừa có trục đối xứng?



A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 25: Hình nào dưới đây có trục đối xứng?

A. Hình a), Hình b), Hình c)

B. Hình a), Hình c), Hình d)

C. Hình b), Hình c), Hình d)

D. Hình a) và Hình c)



a)



b)



c)



d)

Câu 26: Trong các hình sau, hình nào có trục đối xứng?



A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

Câu 27: Hình nào sau đây có tâm đối xứng?

A. Hình a, b.

B. Hình a, c.

C. Hình a, d.

D. Hình a, b, c.

Câu 28: Trên hình vẽ bên đường thẳng a chứa các điểm

A. M và N.

B. S và M

C. N và S

D. M, N và S.

Câu 29: Qua hai điểm A và B phân biệt, số đường thẳng

A. 1.

B. 2.

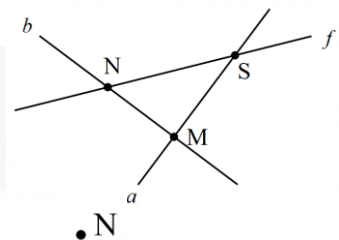
C. 3.

D. 4.



a)

b)



Câu 30: Cho hình vẽ bên. Khẳng định **Đúng** là

A. $M \in a, N \in a$.

B. $Q \notin a, N \notin a$.

C. $M \notin a, P \notin a$.

D. $Q \in a, P \in a$.



Câu 31: Chọn khẳng định đúng.

A. Trong ba điểm thẳng hàng có ít nhất một điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

B. Trong ba điểm thẳng hàng có duy nhất một điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

C. Trong ba điểm thẳng hàng có vô số điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

D. Trong ba điểm thẳng hàng không có điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại.

Câu 32: Cho **hình 1**. Đường thẳng AB và CD là hai đường thẳng

A. cắt nhau.

B. song song với nhau.

C. trùng nhau.

D. có hai điểm chung.

Câu 33: Cho **hình 1**. Đường thẳng a và đường thẳng CD là hai đường thẳng

A. cắt nhau.

B. song song với nhau.

C. trùng nhau.

D. có hai điểm chung.

Câu 34: Cho **hình 1**. Điểm E là giao điểm của hai đường thẳng

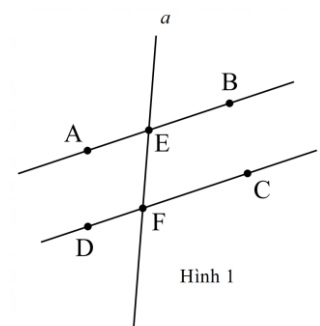
A. a và CD.

B. AB và CD.

C. a và EF.

D. a và AB.

Câu 35: Cho **hình 1**. Trên hình có số bộ ba điểm thẳng hàng là



Hình 1

A. 1 bộ.

B. 2 bộ.

C. 3 bộ.

D. 4 bộ.

Câu 36: Cho hình 1. Ba điểm thẳng hàng trên hình là

A. A; E; D.

B. A; E; F.

C. A; E; B.

D. A; E; C.

Câu 37: Cho hình 1. Ba điểm không thẳng hàng trên hình là

A. A; E; B.

B. D; F; C.

C. D; F; a.

D. D; F; A.

Câu 38: Cho hình 2. Điểm nằm giữa hai điểm H và M là

A. điểm K.

B. điểm N.

C. điểm I.

D. điểm M.

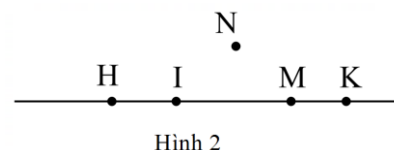
Câu 39: Quan sát hình 2 và cho biết điểm nằm giữa hai điểm I và K là

A. điểm K.

B. điểm N.

C. điểm I.

D. điểm M.



Câu 40: Số tia có trong hình vẽ bên là

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

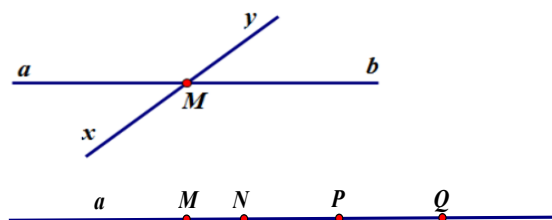
Câu 41: Trong hình vẽ bên, hai tia gốc N là

A. tia NM, tia Na

B. tia NP, tia NQ

C. tia NM, tia MN

D. tia NM, tia NP



PHẦN 2: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG / SAI

Mỗi câu hỏi có 4 ý. Học sinh trả lời đúng hoặc sai cho mỗi ý của từng câu hỏi và ghi Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô tương ứng.

Câu 1: Cho ba phân số : $\frac{5}{6}; \frac{3}{4}; \frac{7}{8}$. Xét tính đúng, sai của các khẳng định sau:

Câu	Nội dung	Đúng	Sai
a)	$\frac{7}{8}$ là phân số lớn nhất.		
b)	Sắp xếp các số theo thứ tự tăng dần ta được $\frac{3}{4}; \frac{5}{6}; \frac{7}{8}$		
c)	Mẫu số chung nhỏ nhất của các phân số trên là 8.		
d)	$\frac{3}{4} > \frac{5}{6}$		

Câu 2: Cho ba phân số : $\frac{2}{3}; \frac{-4}{9}; \frac{8}{12}$. Xét tính đúng, sai của các khẳng định sau:

Câu	Nội dung	Đúng	Sai
a)	$\frac{8}{12}$ và $\frac{2}{3}$ là hai phân số không bằng nhau.		
b)	$\frac{-4}{9}$ là phân số có mẫu dương.		
c)	Nhân cả tử và mẫu của phân số $\frac{2}{3}$ với 4 ta được phân số $\frac{8}{12}$		
d)	Số đối của phân số $\frac{2}{3}$ là $\frac{3}{2}$		

Câu 3: Xét tính đúng, sai của các khẳng định sau:

Câu	Nội dung	Đúng	Sai
a)	$\frac{2}{7} + \frac{3}{7} = \frac{5}{14}$		

b)	$\frac{5}{8} - \frac{1}{4} = \frac{3}{8}$		
c)	$\frac{2}{3} \cdot \frac{5}{7} = \frac{10}{21}$		
d)	$\frac{-4}{9} : \frac{2}{3} = \frac{2}{-3}$		

Câu 4: Mai đọc một cuốn sách dày 180 trang. Ngày thứ nhất Mai đọc được $\frac{1}{4}$ số trang. Ngày thứ hai Mai đọc được $\frac{2}{5}$ số trang còn lại. Hãy xét tính đúng, sai của các câu sau:

Câu	Nội dung	Đúng	Sai
a	Sau ngày thứ nhất, Mai còn $\frac{3}{4}$ số trang sách chưa đọc.		
b	Sau ngày thứ hai, Mai còn $\frac{3}{5}$ số trang sách của quyển sách.		
c	Ngày thứ nhất Mai đọc được 45 trang sách.		
d	Sau hai ngày, cuốn sách còn 108 trang sách chưa đọc.		

Câu 5. Cho các hình dưới đây:



Hình 1



Hình 2



Hình 3

Xét tính đúng, sai của các khẳng định sau:

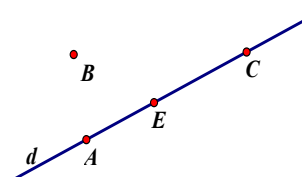
Câu	Nội dung	Đúng	Sai
a)	Hình 1 có trục đối xứng		
b)	Hình 3 không có tâm đối xứng		
c)	Cả ba hình đều có một trục đối xứng		
d)	Hình 1 vừa có trục đối xứng, vừa có tâm đối xứng		

Câu 6. Hãy xét tính đúng, sai của các câu sau:

Câu	Nội dung	Đúng	Sai
a)	Hình chữ nhật có 4 trục đối xứng.		
b)	Giao điểm hai đường chéo là tâm đối xứng của hình bình hành.		
c)	Hình tam giác đều có trục đối xứng nhưng không có tâm đối xứng.		
d)	Hình vuông không có trục đối xứng.		

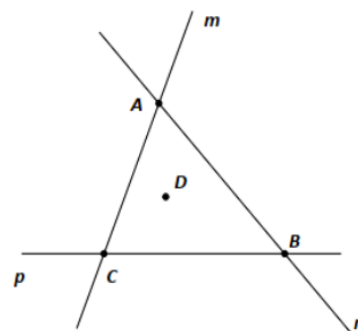
Câu 7. Cho hình vẽ bên. Xét tính đúng, sai của các khẳng định sau:

Câu	Nội dung	Đúng	Sai
a)	Điểm A thuộc đường thẳng d.		
b)	Điểm E nằm giữa hai điểm A và C.		
c)	Ba điểm A, E, B thẳng hàng.		
d)	Điểm B thuộc đường thẳng d.		



Câu 8. Quan sát hình vẽ bên. Hãy xét tính đúng, sai của các câu sau:

Câu	Nội dung	Đúng	Sai
a	Điểm D nằm giữa hai điểm A, B.		
b	$B \notin m$; $A \in n$.		
c	Đường thẳng m đi qua 2 điểm B và C.		
d	Hai đường thẳng m và n cắt nhau.		



PHẦN 3: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Em hãy viết đáp án vào ô trống (không cần trình bày lời giải chi tiết).

Câu 1. Tìm số nguyên x, biết: $\frac{2}{9} < \frac{x}{18} < \frac{1}{3}$

Đáp án:

Câu 2. Cho các phân số $\frac{-12}{17}$; $\frac{-3}{-17}$; $\frac{16}{-17}$; $\frac{1}{17}$; $\frac{-11}{17}$; $-\frac{14}{17}$; $\frac{-19}{-17}$.

Hỏi có bao nhiêu phân số nhỏ hơn 0?

Đáp án:

Câu 3. Giá trị của tổng $\frac{5}{7} + \frac{9}{7}$ là một số nguyên, số đó là bao nhiêu?

Đáp án:

Câu 4. Sau khi tính hiệu $\frac{11}{4} - \frac{5}{4}$ ta được một phân số tối giản; mẫu số của phân số đó là bao nhiêu?

Đáp án:

Câu 5. Tính $\frac{-5}{6} \cdot \frac{-12}{5}$

Đáp án:

Câu 6. Dũng có 35 viên bi. Dũng cho Huy $\frac{2}{5}$ số bi của mình. Dũng còn lại bao nhiêu viên bi?

Đáp án:

Câu 7. Tìm x, biết: $\frac{1}{6} - \frac{5}{6} = \frac{1}{3}x$

Đáp án:

Câu 8. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài $\frac{9}{4}$ m và chiều rộng $\frac{8}{3}$ m. Tính diện tích mảnh đất.

Đáp án:

Câu 9. Tính $\frac{5}{2} - \frac{1}{2} + 3$

Đáp án:

Câu 10. Tìm số nguyên x để $\frac{1}{x} = \frac{-12}{36}$

Đáp án:

Câu 11. Giá trị $\frac{3}{4}$ của 20 giờ là bao nhiêu giờ?

Đáp án:

Câu 12. Tìm một số biết rằng $\frac{2}{5}$ của số đó là 40.

Đáp án:

Câu 13. Một lớp học có 40 học sinh, trong đó có $\frac{3}{5}$ số học sinh thích học Toán. Số học sinh thích học Toán là bao nhiêu?

Đáp án:

Câu 14. Một bác nông dân sau khi thu hoạch cam thì mang một số cam ra chợ bán. Bác đã mang ra chợ 30 kg cam, ứng với $\frac{2}{3}$ số cam thu hoạch được. Hỏi bác nông dân đã thu hoạch được bao nhiêu kg cam?

Đáp án:

Câu 15. Hình vuông có bao nhiêu trục đối xứng?

Đáp án:

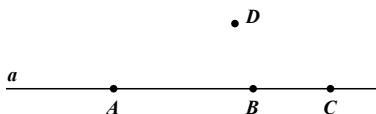
Câu 16. Trong các chữ cái dưới đây, có bao nhiêu chữ cái có trục đối xứng?

A B G H E F

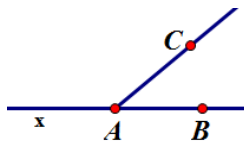
Đáp án:

Câu 17. Có đây? **Đáp**

bao nhiêu điểm thuộc đường thẳng a trong hình dưới
án:



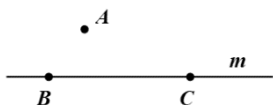
Câu 18. Trong hình bên có bao nhiêu tia gốc A?



Đáp án:

Câu 19. Cho hình sau. Có mấy điểm không thuộc đường thẳng m ?

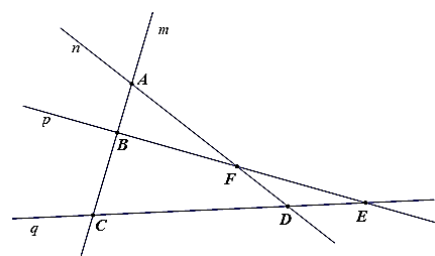
Đáp án:



Câu 20. Cho hình vẽ bên.

Có bao nhiêu cặp đường thẳng cắt nhau?

Đáp án:

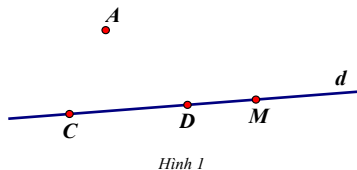


Câu 21. Có bao nhiêu bộ ba điểm không thẳng hàng ở hình 1?

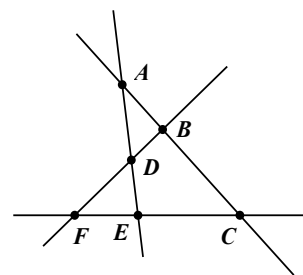
Đáp án:

Câu 22. Có bao nhiêu bộ ba điểm thẳng hàng ở hình 2.1?

Đáp án:



Hình 1



Hình 2.1

B. TƯ LUẬN

Bài 1: Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số, cách viết nào **không** cho ta một phân số?

$$\frac{-1}{2}; \frac{0}{-5}; -3; \frac{-18}{0}; \frac{105}{-88}; \frac{-7}{0,25}.$$

Bài 2: Tìm số đối của mỗi phân số sau: $\frac{-13}{8}; \frac{25}{17}; \frac{9}{-14}; \frac{-35}{-18}$

Bài 3: Rút gọn các phân số: $\frac{-12}{18}; \frac{24}{-39}; \frac{36}{-72}; \frac{-30}{-45}; \frac{-54}{72}$

Bài 4: Xét xem các cặp phân số sau có bằng nhau không? Vì sao?

a) $\frac{-3}{2}$ và $\frac{-9}{6}$

b) $\frac{6}{-7}$ và $\frac{8}{9}$

c) $\frac{3}{-5}$ và $\frac{-15}{25}$

Bài 5: So sánh các phân số:

a) $\frac{-8}{5}$ và $\frac{-11}{5}$

b) $\frac{-5}{7}$ và $\frac{3}{-7}$

c) $\frac{5}{-4}$ và $\frac{-8}{7}$

d) $\frac{7}{-12}$ và $\frac{-4}{15}$

Bài 6: Thực hiện phép tính

a) $\frac{-15}{11} + \frac{4}{11}$

b) $\frac{4}{3} + \frac{-7}{6}$

c) $\frac{1}{2} - \frac{4}{7}$

d) $\frac{-9}{4} \cdot \frac{5}{18}$

e) $\frac{-11}{15} : \frac{-22}{5}$

f) $\frac{8}{-15} : \frac{-3}{10}$

g) $\frac{7}{9} + \frac{2}{9} \cdot \frac{27}{4}$

h) $\frac{4}{11} : \frac{8}{33} - \frac{21}{4}$

Bài 7: Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể)

a) $\frac{-4}{7} - \frac{2}{5} \cdot \frac{15}{14}$

b) $\frac{-2}{3} : \frac{4}{15} + \frac{2}{5}$

c) $\frac{-3}{10} + \frac{5}{7} + \frac{-7}{10} + \frac{2}{7} + \frac{4}{64}$

d) $\frac{1}{2} + \frac{1}{3} - \frac{-7}{6} + \frac{-4}{3}$

e) $\frac{19}{24} - \left(\frac{-1}{2} + \frac{7}{24} \right)$

f) $\left(\frac{5}{24} - \frac{39}{17} \right) - \left(-\frac{5}{17} + \frac{17}{24} - \frac{9}{-2} \right)$

g) $\frac{-1}{3} \cdot \frac{5}{7} + \frac{-1}{3} \cdot \frac{2}{7}$

h) $\frac{4}{7} \cdot \frac{-3}{11} + \frac{4}{7} \cdot \frac{-8}{11} - \frac{3}{7}$

i) $\frac{7}{18} \cdot \frac{5}{11} + \frac{7}{18} \cdot \frac{6}{11} + \frac{7}{18} \cdot 3$

Bài 8: a) Tìm $\frac{2}{3}$ của -24

b) Tìm một số biết $\frac{4}{5}$ của số đó là -40

Bài 9: Lan có 16 viên kẹo. Lan cho Mai $\frac{3}{8}$ số kẹo của mình. Hỏi Lan còn bao nhiêu viên kẹo?

Bài 10: Bạn Hiếu đọc được 24 trang của một cuốn truyện. Hiếu nói rằng mình đã đọc được $\frac{3}{4}$ số trang của cuốn truyện. Tìm số trang của cuốn truyện.

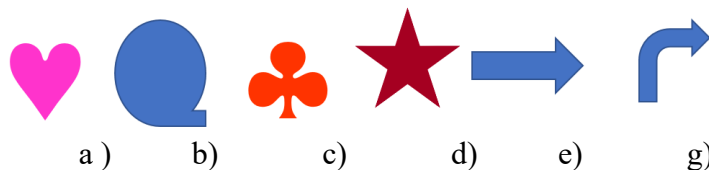
Bài 11: Hùng đọc được $\frac{3}{5}$ số trang của quyển sách thì còn lại 14 trang. Hỏi cả quyển sách bạn Hùng đọc có bao nhiêu trang?

Bài 12: Tổng kết học tập cuối năm lớp 6A có 30 học sinh đạt loại khá và Tốt, chiếm $\frac{5}{7}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh xếp loại Đạt chiếm $\frac{5}{6}$ số học sinh còn lại. Tính tổng số học sinh của lớp 6A và số học sinh xếp loại Đạt.

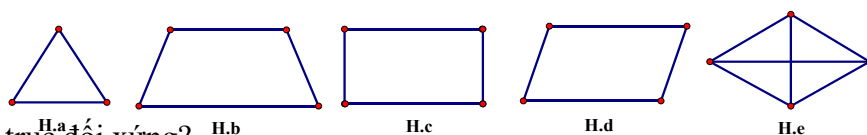
Bài 13: Bạn An đọc một cuốn sách trong 3 ngày. Ngày thứ nhất đọc $\frac{1}{3}$ số trang. Ngày thứ hai đọc $\frac{5}{8}$ số trang còn lại. Ngày thứ ba đọc nốt 90 trang. Tính số trang của cuốn sách.

Bài 14: Mai và An là hai chị em sinh đôi và họ có một anh trai. Tổng số tuổi của ba anh em là 50 tuổi. Tìm tuổi của Mai, biết rằng tuổi của anh trai bằng $\frac{4}{3}$ tuổi của Mai.

Bài 15: Tìm các hình có trục đối xứng trong các hình sau. Hãy vẽ các trục đối xứng của mỗi hình (nếu có).



Bài 16: Cho các hình sau:



a) Hình nào là hình có trục đối xứng?

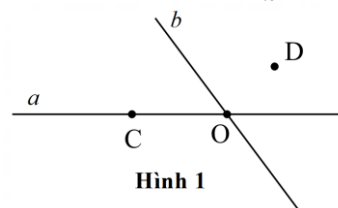
b) Hình nào có tâm đối xứng?

Bài 17: Quan sát **Hình 1** và trả lời câu hỏi sau:

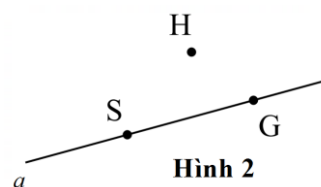
a) Kể tên các điểm thuộc đường thẳng a; các điểm không thuộc đường thẳng b?

b) Điểm nào thuộc cả hai đường thẳng a và b?

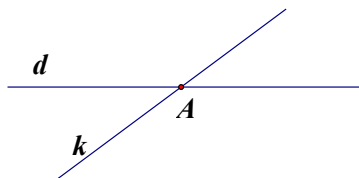
c) Hãy kể tên các đường thẳng cắt nhau.



Bài 18: Em hãy dùng kí hiệu $\in$; $\notin$ để chỉ ra một điểm thuộc đường thẳng a và một điểm không thuộc đường thẳng a có trong **Hình 2**.



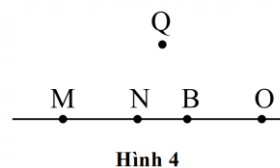
Bài 19: Xác định số giao điểm của hai đường thẳng trong các **Hình 3a, 3b** và cho biết hai đường thẳng ấy cắt nhau hay song song?



Hình 3.a



Hình 3.b



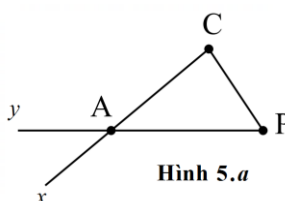
Hình 4

Bài 20: Cho **Hình 4**

- Em hãy kể tên các bộ ba điểm thẳng hàng và các bộ ba điểm không thẳng hàng.
- Với các bộ ba điểm thẳng hàng hãy chỉ ra điểm nằm giữa hai điểm còn lại.

Bài 21: a) Kể tên 2 tia gốc A trong **Hình 5a**.

b) Kể tên các tia gốc O trong **Hình 5b**.



Hình 5.a



Hình 5.b

-----CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT! -----